

Phụ lục 1b. MẪU XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TRỰC TUYẾN

Bảng điền câu hỏi trắc nghiệm để đưa lên ngân hàng câu hỏi trực tuyến (Điền các câu hỏi vào bảng sau, xem hướng dẫn để thực hiện)

Chương 1	Tên chương	Bài tập	Mức độ	Điểm	Loại câu hỏi	Giải thích đáp án
Tên bài	Câu 1: Nội dung câu hỏi A. Đáp án A B. Đáp án đúng C. Đáp án C D. Đáp án D	x	Nhận biết		Chọn 1	
.....	Câu 2:		Vận dụng		Chọn nhiều	

HƯỚNG DẪN SOẠN THẢO CÂU HỎI:

1. **Dòng 1:** Gồm các cột Tiêu đề Chương; tên chương; và định nghĩa về câu hỏi trong chương. Mỗi chương phải bắt đầu bằng dòng mô tả này.

2. **Dòng 2:**

- **Cột 1:** Tên bài học trong chương;
- **Cột 2:** Nội dung câu hỏi trong bài và đáp án. Mỗi câu hỏi phải bắt đầu bằng từ khóa “Câu xx:” – trong đó xx là số thứ tự, sau đó là dấu “:”; Đối với **câu ghép**, phần đề bài được bắt đầu bằng từ khóa “Đề bài:”

✓ **Đối với dạng chọn đáp án đúng:** mỗi câu hỏi có tối đa 4 đáp án. Đáp án được bắt đầu bằng chữ cái in hoa A, B, C hoặc D tương ứng với các phương án trả lời; sau đó là dấu “.”. Đáp án đúng được in đậm cả dòng bao gồm cả kí tự bắt đầu (A, B, C hoặc D).

VD: A. Đáp án 1

B. Đáp án 2

✓ **Đối với dạng điền từ:** đáp án đúng được đặt trong ngoặc đơn và in đậm (in đậm cả ngoặc mở và ngoặc đóng), trường hợp có nhiều hơn 1 đáp án thì phân cách nhau bởi dấu “|”.

VD: **(Đáp án đúng 1 | Đáp án đúng 2)**

✓ **Đối với dạng nối đáp án:** đáp án được bắt đầu bằng từ khóa: “Đáp án:” (đáp án đúng phải in đậm và được xếp lần lượt tương ứng với các câu hỏi phía trên.)

VD: **Đáp án: Đáp án đúng 1**

Đáp án: Đáp án đúng 2

Đáp án: Đáp án 3

✓ **Ghi chú:** Hệ thống nhận diện soạn thảo là văn bản hoặc ảnh. Đối với câu hỏi có kí tự toán học, yêu cầu sử dụng định dạng hình ảnh, equation hoặc latex.

- **Cột 3:** Dạng câu hỏi **bài tập** hoặc **lý thuyết**. Nếu câu hỏi là dạng bài tập, đánh dấu “x”; ngược lại bỏ trống.
- **Cột 4: Mức độ** áp dụng cho 4 mức độ theo thang Bloom (BL) – Mỗi câu hỏi cần được định nghĩa (đây là nội dung bắt buộc phải điền).
 - ✓ Nhận biết (BL 1)
 - ✓ Thông hiểu (BL 2)
 - ✓ Vận dụng (BL 3)
 - ✓ Vận dụng cao (BL 3*)
- **Cột 5: Điểm**
 - ✓ GV có thể định nghĩa điểm cho từng câu
 - ✓ Nếu để trống thì hệ thống mặc định 1 điểm/1 câu đơn (chọn 1, điền 1); 1 điểm/ 1 ý đối với những câu ghép (Chọn nhiều, điền nhiều)
 - ✓ Đối với câu ghép, điểm định nghĩa của câu chia đều cho các ý.
- **Cột 6: Dạng câu hỏi** - có 5 loại câu hỏi tương tác (đây là nội dung bắt buộc phải điền)
 - ✓ Chọn 1 đáp án đúng: nhập “Chọn 1”
 - ✓ Chọn nhiều đáp án đúng: nhập “Chọn nhiều”
 - ✓ Điền đáp án đúng: nhập “Điền từ”.
 - ✓ Nói đáp án: nhập “Nói”
 - ✓ Dạng câu trả lời ngắn: nhập “Tự luận”

3. Từ Dòng 3:

Bỏ trống cột 1 nếu tiếp tục thêm câu hỏi của bài học trước đó;

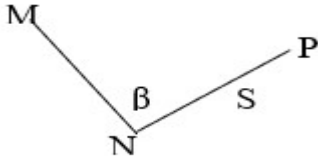
Làm tương tự Dòng 2 khi nhập câu hỏi của bài mới trong Chương;

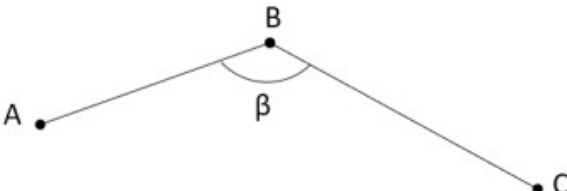
Làm tương tự Dòng 1 khi nhập câu hỏi của Chương mới.

4. Chú ý

- ✓ Đối với dạng câu hỏi điền từ, đáp án khi soạn thảo được viết trong ngoặc đơn và in đậm.
- ✓ Hệ thống nhận diện tốt nhất khi là chữ hoặc ảnh, mức độ ưu tiên: chữ, ảnh > Equation > Latex.
- ✓ Mỗi hàng trong bảng tương ứng với nội dung 1 câu hỏi.
- ✓ Mỗi câu hỏi chỉ nhận 1 file tải lên (mp3, ảnh, pdf). Thao tác thêm file có thể thêm trực tiếp, copy paste hoặc kéo thả.
- ✓ Đối với dạng câu nói đáp án, một câu được nối với 1 đáp án ở thứ tự tương ứng.
- ✓ Link chuyển file audio về định dạng mp3: <https://convertio.co/vn/wma-mp3/>

Ví dụ điền câu hỏi trắc nghiệm để đưa lên hệ thống trực tuyến:

Chương 1	Những khái niệm cơ bản trong trắc địa	Bài tập	Mức độ	Điểm	Loại câu hỏi	Giải thích đáp án
1.1. Ví dụ dạng chọn 1 đáp án	<p>Câu 1: Góc định hướng của đường thẳng bằng 270^0 khi...</p> <p>A. Đường thẳng vuông góc kinh tuyến trục về phía đông</p> <p>B. Đường thẳng vuông góc kinh tuyến trục về phía tây</p> <p>C. Đường thẳng trùng kinh tuyến trục</p> <p>D. Đường thẳng vuông góc với kinh tuyến địa lý</p>	x	Nhận biết	1	Chọn 1	
1.2. Ví dụ dạng chọn nhiều	<p>Câu 2: Tính các số gia tọa độ $\Delta x_{BA}; \Delta y_{BA}$ biết rằng: $S_{BA}=152.215\text{ m}; \alpha_{BA}=168^0 18' 36''$</p> <p>A. $\begin{cases} \Delta x_{BA}=149.058(m) \\ \Delta y_{BA}=30.841(m) \end{cases}$</p> <p>B. $\begin{cases} \Delta x_{BA}=-149.058(m) \\ \Delta y_{BA}=30.841(m) \end{cases}$</p> <p>C. $\begin{cases} \Delta x_{BA}=-149.058(m) \\ \Delta y_{BA}=-30.841(m) \end{cases}$</p> <p>D. $\begin{cases} \Delta x_{BA}=-149.048(m) \\ \Delta y_{BA}=30.841(m) \end{cases}$</p>	x	Thông hiểu	1	Chọn nhiều	
1.3. Ví dụ dạng điền từ	<p>Câu 3: Cho sơ đồ như hình vẽ:</p>  <p>Biết tọa độ của điểm M(1215.324, 1507.009)m N(1000.101, 1630.234)m Góc $\beta = 95^0 15' 30''$; $S = 121.115\text{m}$ Tính tọa độ điểm P? B1. $\Delta X_{MN}=(-215.223\text{ m}); \Delta Y_{MN}=(123.225\text{ m})$ B2. $\alpha_{MN}=(150^0 12' 25'')$ B3. $\alpha_{NP}=(65^0 27' 55'')$ B4. $\Delta X_{NP}=(50.292\text{ m}); \Delta Y_{NP}=(110.180\text{ m})$ B5. $X_P=(1050.393\text{ m}); Y_P=(1740.414\text{ m})$</p>	x	Vận dụng	1	Điền từ	
Chương 2	Sai số đo					
2.1. Ví dụ	Câu 4: Tính độ dài cung:	x	Vận	1	Chọn	

dạng latex	$\begin{cases} x=a(t-\sin t), \\ y=a(1-\cos t), \end{cases}$ <p>A. 1 B. 2 C. 3 D. 4</p>		dụng cao	1		
2.2. Ví dụ dạng câu trả lời ngắn	<p>Câu 5: Cho tọa độ của hai điểm A và B như sau: A(1506.255, 2380.989)m; B(1711.168, 2195.229)m Tính góc định hướng cạnh AB?</p>	x	Vận dụng	1	Tự luận	
2.3. Ví dụ dạng Nối	<p>Đề bài: Cho tọa độ của 3 điểm: A(35355.012; 30000.555)m B(35598.367; 30203.400)m C(35350.771; 30499.606)m Hình vẽ minh họa</p>  <p>Tính góc ABC?</p> <p>Câu 1: $\Delta X_{AB} = \text{?}$ Câu 2: $\Delta Y_{AB} = \text{?}$ Câu 3: $\Delta X_{BC} = \text{?}$ Câu 4: $\Delta Y_{BC} = \text{?}$ Đáp án: 243.355 m Đáp án: 202.845 m Đáp án: -248.050 m Đáp án: -247.596 m</p>	x	Vận dụng	1	Nối	